

Đơn vị báo cáo:.....

Mẫu số B03-DN

Địa chỉ:.....

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp) ()*

Kỳ kế toán từ ngày đến ngày

Đơn vị tính:

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01			
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(...)	(...)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(...)	(...)
4. Chi phí đi vay đã trả	04		(...)	(...)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(...)	(...)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06			
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(...)	(...)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20			
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(...)	(...)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(...)	(...)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(...)	(...)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30			

III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		(...)	(...)
3. Tiền thu từ đi vay	33			
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(...)	(...)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(...)	(...)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(...)	(...)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40			
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ ($50 = 20+30+40$)	50			
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60			
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ ($70 = 50+60+61$)	70			

Ghi chú: Các chỉ tiêu không có số liệu thì doanh nghiệp không phải trình bày nhưng không được đánh lại “Mã số” chỉ tiêu.

Phê duyệt, ngày... tháng... năm...

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO
PHÁP LUẬT**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn lập báo cáo các chỉ tiêu luồng tiền từ hoạt động kinh doanh theo phương pháp trực tiếp Mẫu số B 03-DN)

a) Nguyên tắc lập:

Theo phương pháp trực tiếp, các luồng tiền vào và luồng tiền ra từ hoạt động kinh doanh được xác định và trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ bằng cách phân tích và tổng hợp trực tiếp các khoản tiền thu vào và chi ra theo từng nội dung thu, chi từ các sổ kế toán tổng hợp và chi tiết của doanh nghiệp.

b) Phương pháp lập các chỉ tiêu cụ thể

- Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác (Mã số 01)

Chỉ tiêu này được lập căn cứ vào tổng số tiền đã thu (tổng giá thanh toán) trong kỳ do bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ, tiền bản quyền, phí, hoa hồng và các khoản doanh thu khác (bao gồm cả thu về bán thành phẩm và hàng hóa bất động sản, thu về cho thuê BĐSĐT & cho thuê TSCĐ, bán chứng khoán kinh doanh,...), kể cả các khoản tiền đã thu từ các khoản nợ phải thu liên quan đến các giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác phát sinh từ các kỳ trước nhưng kỳ này mới thu được tiền và số tiền ứng trước của người mua hàng hóa, dịch vụ.

Chỉ tiêu này không bao gồm các khoản tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT (kể cả BĐSĐT nắm giữ để cho thuê và BĐSĐT nắm giữ chờ tăng giá), tiền thu hồi các khoản cho vay, góp vốn đầu tư vào đơn vị khác, cổ tức và lợi nhuận được chia và các khoản tiền thu khác được phân loại là luồng tiền từ hoạt động đầu tư; Các khoản tiền thu được do đi vay, nhận vốn góp của chủ sở hữu và các khoản tiền thu khác được phân loại là luồng tiền từ hoạt động tài chính.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được lấy từ sổ kế toán các Tài khoản 111- Tiền mặt, Tài khoản 112 - Tiền gửi không kỳ hạn (phần thu tiền), sổ kế toán các tài khoản phải thu (chi tiết tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ chuyển trả ngay các khoản nợ phải trả), sau khi đối chiếu với sổ kế toán các Tài khoản 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, Tài khoản 131 - Phải thu của khách hàng (chi tiết các khoản doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ đã thực hiện thu tiền ngay, số tiền thu hồi các khoản phải thu hoặc thu tiền ứng trước trong kỳ,...) hoặc các Tài khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chính, Tài khoản 121 - Chứng khoán kinh doanh (chi tiết số tiền thu từ bán chứng khoán kinh doanh).

- Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ (Mã số 02)

Chỉ tiêu này được lập căn cứ vào tổng số tiền đã trả trong kỳ do mua hàng hóa, dịch vụ, thanh toán các khoản chi phí phục vụ cho sản xuất, kinh doanh, kể cả số tiền chi mua chứng khoán kinh doanh và số tiền đã thanh toán các khoản nợ phải trả hoặc ứng trước cho người bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Chỉ tiêu này không bao gồm các khoản tiền chi để mua sắm, đầu tư xây dựng TSCĐ, BĐSĐT (kể cả chi mua nguyên vật liệu để sử dụng cho XD CB), tiền chi cho vay, góp vốn đầu tư vào đơn vị khác và các khoản tiền chi khác được phân loại là luồng tiền từ hoạt động đầu tư; Các khoản tiền chi trả nợ gốc vay, trả lại vốn góp cho chủ sở hữu, cổ tức và lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu và các khoản tiền chi khác được phân loại là luồng tiền từ hoạt động tài chính.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được lấy từ sổ kế toán các Tài khoản 111- Tiền mặt, Tài khoản 112 - Tiền gửi không kỳ hạn (phần chi tiền), sổ kế toán các tài khoản phải thu và đi vay (chi tiết tiền đi vay nhận được hoặc thu nợ phải thu chuyển trả ngay các khoản nợ phải trả), sau khi đối chiếu với sổ kế toán các Tài khoản 331 - Phải trả cho người bán, các Tài khoản phản ánh

hàng tồn kho. Chỉ tiêu này được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).

- Tiền chi trả cho người lao động (Mã số 03)

Chỉ tiêu này được lập căn cứ vào tổng số tiền đã trả cho người lao động trong kỳ báo cáo về tiền lương, tiền công, phụ cấp, tiền thưởng,... do doanh nghiệp đã thanh toán hoặc tạm ứng.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được lấy từ sổ kế toán các Tài khoản 111 - Tiền mặt, Tài khoản 112 - Tiền gửi không kỳ hạn (chi tiết tiền trả cho người lao động), sau khi đối chiếu với sổ kế toán Tài khoản 334 - Phải trả người lao động (chi tiết số đã trả bằng tiền) trong kỳ báo cáo. Chỉ tiêu này được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).

- Chi phí đi vay đã trả (Mã số 04)

Chỉ tiêu này được lập căn cứ vào tổng số chi phí đi vay đã trả trong kỳ báo cáo, bao gồm tiền chi phí đi vay phát sinh trong kỳ và trả ngay kỳ này, tiền lãi vay phải trả của các kỳ trước đã trả trong kỳ này, chi phí đi vay trả trước trong kỳ này.

Chỉ tiêu này không bao gồm số chi phí đi vay đã trả trong kỳ được vốn hóa vào giá trị các tài sản dở dang được phân loại là luồng tiền từ hoạt động đầu tư. Trường hợp số chi phí đi vay đã trả trong kỳ vừa được vốn hóa, vừa được tính vào chi phí tài chính thì doanh nghiệp căn cứ tỷ lệ vốn hóa lãi vay áp dụng cho kỳ báo cáo theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay để xác định số chi phí đi vay đã trả của luồng tiền từ hoạt động kinh doanh và luồng tiền hoạt động đầu tư.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được lấy từ sổ kế toán các Tài khoản 111 - Tiền mặt, Tài khoản 112 - Tiền gửi không kỳ hạn, Tài khoản 113 - Tiền đang chuyển (chi tiết tiền chi trả chi phí đi vay); sổ kế toán các tài khoản phải thu (chi tiết tiền trả chi phí đi vay từ tiền thu các khoản phải thu) trong kỳ báo cáo, sau khi đối chiếu với sổ kế toán Tài khoản 335 - Chi phí phải trả, Tài khoản 635 - Chi phí tài chính, Tài khoản 341 - Vay và nợ thuê tài chính và các Tài khoản liên quan khác. Chỉ tiêu này được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).

- Thuế TNDN đã nộp (Mã số 05)

Chỉ tiêu này được lập căn cứ vào tổng số tiền đã nộp thuế TNDN cho Nhà nước trong kỳ báo cáo, bao gồm số tiền thuế TNDN đã nộp của kỳ này, số thuế TNDN còn nợ từ các kỳ trước đã nộp trong kỳ này và số thuế TNDN nộp trước (nếu có).

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được lấy từ sổ kế toán các Tài khoản 111 - Tiền mặt, Tài khoản 112 - Tiền gửi không kỳ hạn, Tài khoản 113 - Tiền đang chuyển (chi tiết tiền nộp thuế TNDN), sau khi đối chiếu với sổ kế toán Tài khoản 3334 - Thuế thu nhập doanh nghiệp. Chỉ tiêu này được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).

- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh (Mã số 06)

Chỉ tiêu này được lập căn cứ vào tổng số tiền đã thu từ các khoản khác từ hoạt động kinh doanh, ngoài khoản tiền thu được phản ánh ở Mã số 01, như: Tiền thu từ khoản thu nhập khác (tiền thu về được bồi thường, được phạt, tiền thưởng và các khoản tiền thu khác,...); Tiền đã thu do được hoàn thuế; Tiền thu được do nhận ký quỹ, ký cược; Tiền thu hồi các khoản đưa đi ký quỹ, ký cược; Tiền được các tổ chức, cá nhân bên ngoài thưởng, hỗ trợ; Tiền nhận được ghi tặng các quỹ do cấp trên cấp hoặc cấp dưới nộp,...;

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này lấy từ số thu trên sổ kế toán các Tài khoản 111 - Tiền mặt, Tài khoản 112 - Tiền gửi không kỳ hạn sau khi đối chiếu với sổ kế toán các Tài khoản 711 - Thu

nhập khác, Tài khoản 133 - Thuế GTGT được khấu trừ, Tài khoản 1383 - Thuế TTĐB của hàng nhập khẩu, Tài khoản 141 - Tạm ứng, Tài khoản 244 - Ký quỹ, ký cược, Tài khoản 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước và sổ kế toán các tài khoản khác có liên quan trong kỳ báo cáo.

- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh (Mã số 07)

Chỉ tiêu này được lập căn cứ vào tổng số tiền đã chi cho các khoản khác, ngoài các khoản tiền chi liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh trong kỳ báo cáo được phản ánh ở Mã số 02, 03, 04, 05, như: Tiền chi bồi thường, bị phạt và các khoản chi phí khác; Tiền nộp các loại thuế (không bao gồm thuế TNDN); Tiền nộp các loại phí, lệ phí, tiền thuê đất trả hàng năm; Tiền nộp các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ; Tiền chi đưa đi ký quỹ, ký cược; Tiền trả lại các khoản nhận ký quỹ, ký cược; Tiền chi trực tiếp bằng nguồn dự phòng phải trả; Tiền chi trực tiếp từ quỹ khen thưởng, phúc lợi; Tiền chi trực tiếp từ các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu;...

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này lấy từ số chi trên sổ kế toán các Tài khoản 111- Tiền mặt, Tài khoản 112 - Tiền gửi không kỳ hạn, Tài khoản 113 - Tiền đang chuyển trong kỳ báo cáo, sau khi đối chiếu với sổ kế toán các Tài khoản 811 - Chi phí khác, Tài khoản 244 - Ký quỹ, ký cược, Tài khoản 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước, Tài khoản 338 - Phải trả, phải nộp khác, Tài khoản 344 - Nhận ký quỹ, ký cược, Tài khoản 352 - Dự phòng phải trả, Tài khoản 353 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Tài khoản 356 - Quỹ phát triển khoa học và công nghệ và các Tài khoản liên quan khác. Chỉ tiêu này được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...)."

- Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh (Mã số 20)

Chỉ tiêu "Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh" phản ánh chênh lệch giữa tổng số tiền thu vào với tổng số tiền chi ra từ hoạt động kinh doanh trong kỳ báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được tính bằng tổng cộng số liệu các chỉ tiêu từ Mã số 01 đến Mã số 07. Nếu số liệu chỉ tiêu này là số âm thì ghi trong ngoặc đơn (...).

$$\text{Mã số 20} = \text{Mã số 01} + \text{Mã số 02} + \text{Mã số 03} + \text{Mã số 04} + \text{Mã số 05} + \text{Mã số 06} + \text{Mã số 07}$$